

**TOÀ AÙN NHAÂN DAÂNCOÄNG HOÀ XAÕ HOÀI CHUÛ
NGHÓA VIỆT NAM
THAØNH PHOÁ RAÏCH GIAÙ Ñoäc laäp - Töi do - Hàinh phuüc
TÆNH KIÊN GIANG**

Baùn aùn soá: 77/2019/HNGĐ-ST
Ngàøy: 20 / 8 / 2019.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

**NHAÂN DANH
NÖÛC COÄNG HOÀ XAÕ HOÀI CHUÛ NGHÓA VIỆT
NAM**

**TOÀ AÙN NHAÂN DAÂN THAØNH PHOÁ RAÏCH GIAÙ
Vôùi thaønh phần hoài ñoàng xeùt xöu sô thaãm goàm còu:**

- Chuû toïa phieân toøa: Bàø **Phạm Thị Thanh Loan** - Thaãm phần
- Caùc hoài thaãm nhaân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Kim Phượng**
2. Bà **Chung Kim Sang**
- Thö kyù Toøa aùn ghi bieân baùn phieân toøa: Ông **Nguyễn Ngọc**

Tú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thế Anh**.

Ngàøy 20 thaùng 8 naêm 2019. Tại trụ sở Toøa aùn nhaân dân
Thaønh phoá Raïch Giaù xeùt xöu sô thaãm công khai theo thủ tục thông
thường vụ án thuï lýù soá 81/2019/TLST- HNGĐ ngàøy 15 thaùng 3 naêm
2019 veà việc “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

Theo quyết ñònh ñoà vuï aùn ra xeùt xöu soá 78/2019/QÑXXST-
HNGĐ, ngàøy 2 thaùng 7 naêm 2019 giöõa caùc ñoàng söi:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc C**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 39/10/2 Phạm Ngũ L, phường Vĩnh T, Rạch G, Kiên G.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 36 Lê L, phường Vĩnh Thanh V, Rạch G, Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc C trình bày:** Bà và ông T chung sống với nhau
vào năm 2006 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật và được UBND phường Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/7/2011.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng bà rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà C yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà C xác định có 01 người con chung tên: Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh năm 2007, hiện đang sống với bà C. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn ông Nguyễn Hồng T:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bỏ hôn ông Nguyễn Hồng T vắng mặt.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã nộp thẩm tra tại phiên tòa, các bên có mặt và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn”. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hồng T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc C và ông Nguyễn Hồng T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/7/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa bà C trình bày là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình thậm chí ông T còn sử dụng ma túy, bà C đã nhiều lần khuyên can nhưng ông C vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà C xác nhận có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/12/2007. Bà C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, tại biên bản trình bày nguyện vọng vào ngày 27/3/2019 cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Huỳnh Ngọc C. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông T có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Ngọc C phải chịu 300.000 đồng.

Vì cao lẽ trên,

QUYEÁT ÑÒNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Ngọc C đối với ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên bố bà Huỳnh Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/12/2007 cho bà Huỳnh Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001505 ngày 11/3/2019 nên bà C không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên nhân của quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sẽ thỏa mãn. Riêng bị đơn của quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trở đồng hồ bản án nếu thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người nếu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bỏ công khai thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án nếu thi hành án theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HOÀI ÑÒÀNG

XEÙT XÖÙ SÔ THÂM

Nội nhận:

CHUỖ TỌA PHIÊN TOẠ

- VKSND TP.Raich Giàu
- TAND Tænh Kieân Giang
- VKSND Tænh Kieân Giang
- CQTHA TP.Raich Giàu
- Càuc ñông sõi
- Lõu hoà sõ.

THẨM PHÀN -

Phạm Thị Thanh Loan

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 20 tháng 8 năm 2019

Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng** và bà **Lương Thị Kim**

Nhung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 81/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc C**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 39/10/2 Phạm Ngũ L, phường Vĩnh T, Rạch G, Kiên G.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 36 Lê L, phường Vĩnh Thanh V, Rạch G, Kiên G.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Ngọc C đối với ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên bố bà Huỳnh Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/12/2007 cho bà Huỳnh Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001505 ngày 11/3/2019 nên bà C không phải nộp thêm.

Trở đồng hội đồng thẩm phán theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đồng thẩm phán dân sự, người phân xử thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bỏ công việc thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đồng thời theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....phút ngày 20 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án này được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử
toà phiên tòa

Thẩm phán - Chuû

